

Số: 127 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, góp phần giảm nghèo bền vững.

Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 là căn cứ để các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2025.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, dân chủ; thực hiện phân cấp, phân quyền, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng thế mạnh, nhu cầu thiết yếu của từng địa phương và đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tập trung thực hiện nội dung các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo thống nhất, đúng thời gian quy định.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải đảm bảo đồng bộ, toàn diện; chủ động lồng ghép nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch chung của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021-2025

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4%/năm trở lên.

- Hoàn thành nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã. Phân đầu trên 70% đường trục chính qua trung tâm xã, qua các khu đông dân cư có điều kiện được đầu tư xây dựng với quy mô theo hướng đường đô thị. 100% số trường, lớp học, trạm y tế được xây dựng kiên cố hoá.

- 100% thôn có điện lưới quốc gia; trên 80% nhà văn hóa thôn, bản đạt chuẩn; duy trì và phát triển các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông tại các trung tâm xã, 100% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối internet băng thông rộng. Phân đầu 100% người dân được thường xuyên xem truyền hình và nghe đài phát thanh; trên 98% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Bố trí nguồn vốn của Chương trình mục tiêu, cùng với các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện sắp xếp, di dời toàn bộ các hộ dân cư trú phân tán ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở theo kế hoạch.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt trên 97%, học trung học cơ sở đạt trên 95%, học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt trên 90%.

- 50% lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Phân đầu 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 95%.

- 80% số thôn có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thành lập câu lạc bộ bảo tồn tiếng nói, trang phục dân tộc và câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian.

- Giảm 50% số xã đặc biệt khó khăn của giai đoạn 2021-2025.

- Đào tạo, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số địa phương. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương.

2.2. Năm 2022

- Góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới đối với 03 xã khu vực III (*xã Minh Khương, xã Bạch Xa huyện Hàm Yên; xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hoá*) và 02 xã khu vực II (*xã Yên Phú, huyện Hàm Yên, xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn*).

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số trên 4%/năm.

- Hỗ trợ đất ở cho 28 hộ; hỗ trợ làm nhà ở 597 hộ (đảm bảo 3 cứng theo quy định); hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 47 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 1.097 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.062 hộ; đầu tư xây dựng 02 công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư cho 47 hộ gia đình.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 224 công trình (*trong đó: phân đầu hoàn thành 03 tuyến đường trung tâm xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn được đầu tư theo hướng đô thị*¹; đầu tư cải tạo mạng lưới chợ: 04 công trình; Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng tại 43 xã khu vực III, xã ATK, 103 thôn ĐBK).

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho 16 trường (*trong đó trường phổ thông dân tộc nội trú: 02 trường, trường phổ thông dân tộc bán trú: 14 trường*).

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số; xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, mô hình di sản kết nối với các hành trình du lịch; hỗ trợ xây dựng các mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở.²

¹ Tuyến đường theo hướng đô thị: xã Phúc Yên, xã Bình An, huyện Lâm Bình; xã Minh Hương, huyện Hàm Yên

² Tổ chức 04 lớp tập huấn truyền dạy văn hóa phi vật thể, chuyên môn nghiệp vụ cho công chức văn hóa xã, các nghệ nhân người dân tộc thiểu số; phục dựng bảo tồn, phát triển di sản văn hóa phi vật thể Lễ Đại Phan của dân tộc Sán Dìu, huyện Sơn Dương; hỗ trợ xây dựng 04 mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ hoạt động cho 12 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng dân tộc thiểu số; khảo sát, hỗ trợ bước đầu đầu tư xây dựng 02 điểm tại xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa và xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình; hỗ trợ 01 chương trình tuyên truyền quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng 09 tủ sách cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư 13 thiết chế văn hóa, thể thao và 13 trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa thôn bản theo tiêu chí nông thôn mới; bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1.1. Hỗ trợ đất ở: Hộ dân tộc thiểu số nghèo (*có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số*), hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở.

- Giai đoạn 2021-2025: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở cho 106 hộ.

- Năm 2022: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở cho 28 hộ.

1.2. Hỗ trợ nhà ở: Tập trung hỗ trợ nhà ở cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn chưa có nhà ở hoặc nhà ở tạm, dột nát. Chính quyền xã, thôn lập phương án hỗ trợ, động viên, khuyến khích các hộ gia đình xây dựng nhà ở đảm bảo 3 cứng theo quy định (*nền cứng, khung tường cứng, mái cứng*); chú trọng phát huy tính chủ động của chính người dân và các nguồn lực xã hội hóa trong quá trình triển khai thực hiện.

- Giai đoạn 2021-2025: Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở cho 2.096 hộ.

- Năm 2022: Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở cho 597 hộ.

1.3. Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương.

- Giai đoạn 2021-2025: Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 213 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 11.054 hộ.

- Năm 2022: Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 47 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 1.097 hộ.

1.4 Hỗ trợ nước sinh hoạt: Hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Ưu tiên địa bàn vùng bị hạn hán, xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Giai đoạn 2021-2025: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 10.360 hộ; đầu tư xây dựng 20 công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Năm 2022: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.062 hộ; đầu tư xây dựng 02 công trình nước sinh hoạt tập trung.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Bố trí, sắp xếp cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số còn du canh, du cư; hộ gia đình di cư tự do đến các xã, thôn đặc biệt khó khăn; hộ gia đình đang sinh sống ở nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai... theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giai đoạn 2021-2025: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho 261 hộ³.

- Năm 2022: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho 47 hộ⁴.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Thực hiện hỗ trợ các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Giai đoạn 2021-2025: Hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng 323.658,1 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng 19.726,0 ha; hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: 5.064,9 ha; trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ: 1.559,3 tấn.

- Năm 2022: Hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng 65.435 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng: 3.440 ha.

³ Giai đoạn 2021-2025: Trong đó huyện Lâm Bình: 42 hộ; huyện Na Hang: 118 hộ; huyện Chiêm Hoá: 21 hộ; huyện Hàm Yên 50 hộ; huyện Yên Sơn: 30 hộ.

⁴ Năm 2022: thực hiện tại địa bàn: 08 hộ tại xã Bình An (Lâm Bình); 04 hộ tại xã Sơn Phú, 04 hộ tại xã Yên Hoa, 02 hộ tại xã Thượng Nông, 05 hộ tại xã Khâu Tinh, 03 hộ tại xã Đà Vị, 07 hộ tại xã Sinh Long (Na Hang); 09 hộ tại xã Tân Thành (Hàm Yên); 05 hộ tại xã Trung Minh (Yên Sơn)

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ sinh sống tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các doanh nghiệp (*sản xuất, chế biến, kinh doanh*), Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

+ Giai đoạn 2021-2025: Thực hiện hỗ trợ đầu tư vùng trồng dược liệu quý tại huyện Lâm Bình, Na Hang

+ Năm 2022: Thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ, Ngành trung ương.

- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Giai đoạn 2021-2025: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư cho 56 mô hình.

+ Năm 2022: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư cho 06 mô hình.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Giai đoạn 2021-2025: (1) Đầu tư cơ sở hạ tầng 876 công trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*trong đó: 25 công trình cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTSMN 28 công trình*); (2) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng tại xã khu vực III, xã ATK và thôn đặc biệt khó khăn.

- Năm 2022: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 224 công trình (*trong đó: phần đầu hoàn thành 03 tuyến đường trung tâm xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn được đầu tư theo hướng đô thị⁵; đầu tư cải tạo mạng lưới chợ: 04 công trình; duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng tại các xã khu vực III, xã ATK và thôn đặc biệt khó khăn.*

⁵ Tuyến đường theo hướng đô thị: xã Phúc Yên, xã Bình An, huyện Lâm Bình; xã Minh Hương, huyện Hàm Yên

4.2. Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Đại học Tân Trào: Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh; mua sắm trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy và học tập.

+ Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư xây dựng nhà ươm, xưởng sơ chế dược liệu Trung tâm Thực nghiệm, thực hành và Chuyên giao khoa học công nghệ; Nhà thực hành khoa Y- Dược; Nhà điều hành, thực hành khoa Văn hóa du lịch và Thư viện; Nhà giảng đường; Mua sắm một số trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy.

+ Năm 2022: Chuẩn bị đầu tư các công trình.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú

- Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất; trang thiết bị, cơ sở vật chất chuyển đổi số phục vụ công tác giảng dạy và học tập trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú cho 29 trường.

- Năm 2022: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho 16 trường (*trong đó trường phổ thông dân tộc nội trú: 02 trường, trường phổ thông dân tộc bán trú: 14 trường*).

5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học

- Tiếp tục thực hiện Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 4 nhóm đối tượng theo Quyết định 771/QĐ-TTg, ngày 26/6/2018, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án "*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025*".

- Hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học cho sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức công tác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên người DTTS thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc các xã đặc biệt khó khăn, người DTTS có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ dân tộc thiểu số.

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung hỗ trợ: xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo; hỗ trợ người lao động học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động kết nối việc làm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp các huyện, trung tâm dịch vụ việc làm.

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình

Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp trong cộng đồng... tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

6.1. Nội dung 1: Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Pà Thẻn tại các huyện Lâm Bình, huyện Chiêm Hoá (*giai đoạn 2022-2025*)

6.2. Nội dung 2: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, lưu giữ, trưng bày di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2023 - 2024*)

6.3. Nội dung 3: Tổ chức bảo tồn 05 lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại các địa phương để khai thác, xây dựng thành sản phẩm phát triển du lịch (*giai đoạn 2023-2025*)⁶

6.4. Nội dung 4: Phối hợp với Cục Di sản văn hóa hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận (*giai đoạn 2023-2025*)

6.5. Nội dung 5: Tổ chức 12 lớp tập huấn truyền dạy văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù và nguy cơ mai một; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức văn hóa xã, các nghệ nhân người dân tộc thiểu số; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, kỹ năng chế biến món ăn; kỹ năng hướng dẫn phục vụ lưu trú; kỹ năng phục vụ khách du lịch (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Tổ chức 4 lớp.

⁶ **Lễ hội truyền thống (5 lễ hội):** (1) Lễ hội cầu May dân tộc Tày, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương; (2). Lễ hội giã cốm dân tộc Tày, xã Thanh Tương, huyện Na Hang; (3). Lễ hội nhảy lửa dân tộc Pà Thẻn, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình; (4). Lễ hội truyền thống dân tộc Mông, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên; (5). Lễ hội lồng tồng của dân tộc Tày, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa.

6.6. Nội dung 6: Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy 06 di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2021-2025*)⁷. Năm 2022: Phục dựng bảo tồn, phát triển di sản văn hóa phi vật thể Lễ Đại Phan của dân tộc Sán Dìu, huyện Sơn Dương.

6.7. Nội dung 7: Xây dựng 12 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, mô hình di sản kết nối với các hành trình du lịch (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Xây dựng 01 mô hình tại huyện Lâm Bình.

6.8. Nội dung 8: Hỗ trợ xây dựng 59 mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ xây dựng 04 mô hình.

6.9. Nội dung 9: Hỗ trợ hoạt động cho 108 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ hoạt động 12 đội văn nghệ.

6.10. Nội dung 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁸. Năm 2022: Khảo sát, hỗ trợ bước đầu đầu tư xây dựng 02 điểm tại xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa và xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình.

6.11. Nội dung 11: Xây dựng 03 nội dung xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2023-2025*).

6.12. Nội dung 12: Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện. Thực hiện năm 2024.

6.13. Nội dung 13: Tổ chức 07 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các Ngày hội, Liên hoan, Giao lưu các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2023-2025*).

6.14. Nội dung 14: Hỗ trợ 09 chương trình tuyên truyền quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ 01 chương trình.

6.15. Nội dung 15: Đầu tư bảo tồn làng văn hoá truyền thống dân tộc Cao Lan và dân tộc Tày phục vụ phát triển du lịch. Năm 2022 - 2023: Thực

⁷ Chương trình nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể: (1). Lễ Đại Phan của dân tộc Sán Dìu, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương; (2). Nghề in thêu sáp ong của dân tộc Mông, huyện Lâm Bình; (3). Hát Quan làng của dân tộc Tày, xã Thanh Tương, huyện Na Hang; (4). Lễ nhảy lửa của dân tộc Dao Đỏ, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa; (5). Nghề làm trang phục truyền thống của dân tộc Dao Tiền, xã Hồng Thái, huyện Na Hang; (6). Nghề làm trang phục truyền thống của người cao Lan, thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn.

⁸ Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu: Tại xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình; xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa

hiện tại Làng văn hóa Động Sơn của dân tộc Cao Lan thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn.

6.16. Nội dung 16: Hỗ trợ xây dựng 56 tủ sách cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ xây dựng 09 tủ sách.

6.17. Nội dung 17: Hỗ trợ chống xuống cấp 03 di tích; tu bổ, tôn tạo 02 di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo 02 di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia, gồm: Khu di tích quốc gia đặc biệt: Địa điểm tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (Kim Bình), huyện Chiêm Hóa và di tích quốc gia Làng Ngòi - Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.

6.18. Nội dung 18: Hỗ trợ đầu tư 65 thiết chế văn hóa, thể thao và 109 trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*giai đoạn 2021-2025*). Năm 2022: Hỗ trợ đầu tư 13 thiết chế văn hóa, thể thao và 13 trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em tại các xã và thôn bản đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo và người khuyết tật; xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới, đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới, thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Thực hiện các nội dung: (1) Đầu tư hỗ trợ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù: dân tộc Pà Thẻn sinh sống tại huyện Lâm Bình, Chiêm Hoá, Yên Sơn; (2) Hỗ trợ phát triển sản xuất cho dân tộc: Pà Thẻn, Mông và Dao còn nhiều khó khăn tại các xã khu vực III, thôn ĐBK trên địa bàn huyện, thành phố.

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp tục thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025” theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào:

- Thực hiện biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho trưởng thôn, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số.

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ, nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Tổ chức các lớp tập huấn, học tập kinh nghiệm để nâng cao năng lực trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về công tác dân tộc trong tình hình mới. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp

luật của Nhà nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử của tỉnh, sở, ngành, địa phương, tại các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sự đồng thuận cao của nhân dân trong việc tham gia tổ chức thực hiện các dự án, chính sách để đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chú trọng phát triển đối với xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã khu vực I, khu vực II và xã khu vực III; các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 với 10 Dự án thành phần:

- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai rà soát, lập danh sách các hộ gia đình được thụ hưởng chính sách; xác định những nội dung hỗ trợ cụ thể về nước sinh hoạt phù hợp với nhu cầu của từng hộ dân và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tập trung rà soát lại quỹ đất hiện có để thực hiện giao đất cho hộ gia đình; khuyến khích khai hoang, cải tạo diện tích đất trống, đất chưa sử dụng để tạo quỹ đất sản xuất nông nghiệp. Đối với các hộ không được hỗ trợ thông qua việc tạo quỹ đất sản xuất thì thực hiện hỗ trợ bằng các hình thức khác như: Hỗ trợ chuyển đổi nghề và cho vay ưu đãi (để sản xuất, kinh doanh, mua sắm máy móc, nông cụ...); Chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất sẽ được ưu tiên thực hiện trước đối với các hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ gia đình chính sách.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án bố trí địa điểm định canh, định cư, cơ sở hạ tầng thiết yếu, đất sản xuất để thực hiện có hiệu quả công tác bố trí ổn định dân cư ở vùng đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách có cuộc sống ổn định lâu dài. Việc bố trí ổn định dân cư thực hiện theo hình thức xen ghép; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tuyên truyền, vận động người dân thực hiện di chuyển theo đúng kế hoạch, kịp thời hỗ trợ đối với các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ sinh kế, chính sách tín dụng đối với các hộ thuộc đối tượng định canh, định cư. Bố trí lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình hạ tầng tại các thôn, bản được bố trí di dân xen ghép. Các địa phương có đối tượng thực hiện di dân có trách nhiệm bố trí đất ở, đất sản xuất; huy động các lực lượng của

thôn, xã hỗ trợ các hộ gia đình di chuyển; tạo mọi điều kiện để người dân sớm ổn định cuộc sống, hoà nhập với cộng đồng nơi di chuyển đến.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển và bảo vệ rừng theo kế hoạch được phê duyệt; gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, an sinh xã hội cho người dân. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng gắn với định canh, định cư; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản; nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, quy mô phù hợp với vùng sinh thái, gắn với tiềm năng, thế mạnh, lợi thế phát triển sản xuất hàng hóa.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng trong tỉnh, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó tập trung thực hiện các dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; đầu tư, hỗ trợ các dự án trồng cây dược liệu quý, hỗ trợ khởi nghiệp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đã và đang chuẩn bị đầu tư sản xuất, kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo đúng tiêu chí của Chương trình. Thực hiện đồng bộ giữa chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất với các chính sách tín dụng để nâng cao hiệu quả đầu tư của chương trình.

- Tập trung nguồn lực cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường huyện, trong đó ưu tiên các tuyến đường trục chính kết nối từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã; Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng; công trình thủy lợi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; công trình thủy lợi đa mục tiêu, phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, đồng thời giải quyết nguồn nước cho sinh hoạt, thủy sản, dịch vụ du lịch.

Tập trung huy động nhiều nguồn vốn để xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình nước sạch tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần cải thiện điều kiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Mở rộng, cải tạo, nâng cấp hệ thống điện tới các vùng nông thôn, đảm bảo cung ứng nguồn điện ổn định, an toàn cho sản xuất, sinh hoạt và chống thất

thoát điện; lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để phấn đấu hoàn thành mục tiêu 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

Tăng cường quản lý chất lượng dịch vụ, phục vụ và việc cung ứng các sản phẩm viễn thông trên địa bàn tỉnh. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực phát thanh, truyền hình; nâng cao chất lượng phát sóng để phục vụ .

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới. Bố trí đầy đủ nguồn vốn triển khai thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, các công trình giao thông liên kết vùng, trong đó có nguồn lực đầu tư từ các dự án ODA và nguồn vốn của các tổ chức quốc tế khác.

- Trên cơ sở phân bổ nguồn vốn Trung ương đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 đối với trường Đại học Tân Trào (theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương phân bổ vốn đảm bảo đáp ứng cơ bản theo nhu cầu thiết yếu để xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt và mua sắm trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập.

- Bố trí nguồn vốn và lồng ghép các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thiết bị; Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số phục vụ sinh hoạt cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư, phát triển cơ sở vật chất trường, lớp học, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nguồn vốn để hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng được thụ hưởng. Quan tâm hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ xã, thôn, Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín, phụ nữ người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đáp ứng yêu cầu để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và tổ chức các cuộc hội, họp, sinh hoạt câu lạc bộ, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân đến tham gia sinh hoạt. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế, chú trọng bảo tồn các di sản văn hóa có nguy cơ bị mai một; phát huy vai trò các chủ thể trong bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc. Tăng cường sự đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh các nguồn lực xã hội hóa cho phát triển văn hóa, trong đó đặc biệt chú trọng công tác bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong tỉnh. Thực hiện kiểm kê, đánh giá toàn diện các di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số, lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa cấp quốc gia. Khảo sát, lựa chọn thôn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống còn giữ được kiến trúc nhà truyền thống, có cảnh quan môi trường, giao thông thuận lợi để đầu tư bảo tồn gắn với phát triển du lịch. Xây dựng các mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, mô hình di sản kết nối với các hành trình du lịch. Phục dựng, duy trì và bảo tồn các lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế chính sách, cơ chế khuyến khích các nghệ nhân có công gìn giữ và trao truyền văn hóa dân tộc. Khuyến khích thế hệ trẻ tiếp thu, bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Hỗ trợ chương trình thực hiện quảng bá xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống phục vụ phát triển du lịch.

- Thực hiện xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hỗ trợ phụ cấp cô đỡ thôn bản; hỗ trợ người dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số. Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xoá bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình, cộng đồng, những tập tục văn hoá có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ, trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình, thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Bố trí nguồn vốn để bổ sung kinh phí cho Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận vốn vay phát triển kinh tế, tạo cơ hội tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ chăm sóc y tế, giáo dục cho các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ người có uy tín và hiệu quả công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành rà soát thực trạng và nhu cầu thực tế của từng địa phương và trên cơ sở phân bổ nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trong tiếp cận ứng dụng khoa học công nghệ, quảng bá sản phẩm địa phương. Đồng thời, thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin để nhằm kết nối với các địa phương trong thúc đẩy quá trình sản xuất hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, người có uy tín ở các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch giai đoạn và hằng năm, chủ động trong công tác tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chú trọng đầu tư đối với xã khu vực III; các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Tập trung triển khai đồng bộ và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư để lồng ghép thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đã đề ra. Tăng cường các giải pháp và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực để thực hiện, trong đó ngân sách Trung ương có vai trò quan trọng, quyết định. Đối ứng kịp thời nguồn ngân sách địa phương cho một số dự án, tiểu dự án theo đúng quy định của Trung ương.

Huy động nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất của nhân dân, giải quyết các nhu cầu vay vốn để làm nhà ở, tạo quỹ đất ở, đất sản xuất, học nghề, chuyển đổi nghề. Hỗ trợ vốn vay cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp để đầu tư, phát triển vùng trồng dược liệu quý, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm đặc trưng, có thế mạnh của từng địa phương.

Các cấp chính quyền tiếp tục thực hiện vận động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực, ngày công, vật liệu để xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ đời sống dân sinh tại thôn, bản; giúp đỡ làm nhà cho hộ nghèo trên địa bàn.

6. Xây dựng Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo đúng quy định. Việc phân cấp thực hiện các dự án và tiểu dự án căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, điều kiện, đặc điểm và khả năng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và các văn bản quy định hiện hành. Ban hành các quy định trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù để triển khai thực hiện các dự án của Chương trình.

V. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2021-2025.

Tổng nguồn vốn dự kiến: 4.423.493,5 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.254.269,0 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương (*ngân sách tỉnh*): 162.777,0 triệu đồng.
- Vốn tín dụng: 974.550,5 triệu đồng.
- Vốn huy động khác: 31.897,0 triệu đồng.

2. Năm 2022

Tổng nguồn vốn thực hiện: **641.339,5** triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 496.506,0 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương (*ngân sách tỉnh*): 24.882,0 triệu đồng.
- Vốn tín dụng: 111.425,5 triệu đồng.
- Vốn huy động khác: 8.526,0 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo)

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Ban Dân tộc

Chủ trì tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.

Chủ trì, phối hợp với thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ, quản lý nguồn vốn thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

Chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện dự án được phân công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với các sở, ban, địa phương tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ thực hiện các dự án theo nội dung kế hoạch.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, tổng hợp, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch định kỳ hàng tháng, quý, năm và giai đoạn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các dự án để thực hiện kế hoạch đảm bảo theo tiêu chí, định mức của Chương trình và kế hoạch vốn hàng năm được Trung ương giao.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo nhiệm vụ được phân công.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào mức phân bổ hỗ trợ từ ngân sách trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo đảm thực hiện Kế hoạch. Quản lý và cấp phát kinh phí kịp thời, theo dõi, kiểm tra, quyết toán kinh phí đúng quy định.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của kế hoạch này.

Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì tham mưu cụ thể hóa Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này; tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác thông tin và truyền thông về giảm nghèo, đánh giá thực trạng, xây dựng lộ trình, giải pháp cụ thể để nhân rộng mô hình giảm nghèo nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Chủ trì tổ chức, hướng dẫn các địa phương mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động nông thôn; tham mưu cụ thể hóa và thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người dân tộc thiểu số, lao động tại các địa phương thuộc phạm vi của kế hoạch.

Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng giáo dục, chuẩn hóa về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và chuyển đổi số đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục tham mưu, thực hiện tốt việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh ở bậc học THCS, THPT để định hướng học tập, định hướng nghề nghiệp cho phù hợp; Chỉ đạo nâng cao chất lượng toàn diện các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; thực hiện cơ chế tuyển sinh vào học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú theo hướng mở rộng đối tượng, địa bàn tuyển sinh, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

7. Sở Y tế

Chủ trì tham mưu thực hiện việc duy trì, nâng cấp, phát huy hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Tham mưu, đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách để duy trì và nâng cao tỷ lệ người dân tại các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế.

Chủ trì tham mưu thực hiện Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thuộc phạm vi của Kế hoạch đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy định.

8. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch

Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi kế hoạch tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà văn hóa xã, thôn theo mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

Chủ trì tham mưu thực hiện Dự án 6 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số, duy trì các lễ hội truyền thống; quảng bá, kết nối các điểm du lịch. Khai thác, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của từng vùng; xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan liên quan thực hiện có hiệu quả Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông. Chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư theo kế hoạch và theo Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

10. Sở Công Thương

Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi kế hoạch về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tạo và liên kết thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cơ chế, chính sách để phát triển hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh; Tham mưu chỉ đạo thực hiện Nội dung số 02, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Phối hợp với các đơn vị liên quan bảo trì, nâng cấp hệ thống điện để đảm bảo cho các hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và điện an toàn từ các nguồn theo kế hoạch.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành phổ biến, tuyên truyền các cơ chế, chính sách về phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, của Trung ương; hướng dẫn triển khai đề tài, dự án khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương; tuyên truyền nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ mang lại hiệu quả đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi dự án đầu tư và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông theo mục tiêu kế hoạch; hướng dẫn các địa phương tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông ở cơ sở; xóa các vùng lõm về hạ tầng thông tin, đảm bảo tất cả các xã, thôn đặc biệt khó khăn được phủ sóng điện thoại, sóng phát thanh, truyền hình.

Phối hợp thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

13. Sở Tư pháp

Chủ trì, tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý đối với địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phối hợp thực hiện Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

14. Đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

Chủ trì, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để thực hiện có hiệu quả Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan trong tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, các nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

15. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Chủ trì tham mưu, bố trí đủ nguồn vốn cho các đối tượng được vay vốn phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, làm nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, đất ở, chuyển đổi nghề, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch.

Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn, giúp đỡ hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận nguồn vốn vay và giải ngân theo đúng quy định của ngành.

16. Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Tham gia triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3 của Chương trình, tổng hợp báo cáo kết quả các nhiệm vụ được giao thực hiện theo đúng quy định.

17. Trường Đại học Tân Trào

Chủ trì, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để thực hiện có hiệu quả Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong sản xuất góp phần hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch.

18. Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, phối hợp thực hiện kế hoạch này.

Tăng cường công tác phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch theo nhiệm vụ được giao.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Chương trình để thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm và sự vào cuộc với vai trò chủ thể của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tham gia thực hiện kế hoạch.

Thực hiện tốt vai trò giám sát phản biện trong quá trình thực hiện kế hoạch, từ đó kiến nghị các giải pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án.

Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; tuyên truyền, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện kế hoạch và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

20. Ủy ban nhân huyện, thành phố

Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý theo phân cấp. Căn cứ kế hoạch được giao, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Chỉ đạo tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị, nhân dân địa phương trong thực hiện Kế hoạch. **Huy**

động, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án, chính sách có cùng mục tiêu trên địa bàn hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cấp xã thực hiện quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đúng địa bàn, đối tượng, định mức, đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện và phát huy hiệu quả thiết thực.

(Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ động tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Ban Dân tộc tỉnh)*.

2. Giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi, tổng hợp báo cáo, đánh giá việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện; trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(đồng gửi Ban Dân tộc tổng hợp)* để xem xét và chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Trường Đại học Tân Trào;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng: KT, THVX, NC;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

VĂN PHÒNG UBND TỈNH

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Ngày 04/9/2022

Trình xin ý kiến đồng chí: Nguyễn Thế Giang - Phó Chủ tịch UBND tỉnh.**Người trình:** Phan Quốc Toàn - Chuyên viên Phòng Kinh tế.**Tóm tắt nội dung trình:** V/v Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 .**Văn bản của cơ quan đề nghị:** Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.**Căn cứ để trình và các văn bản liên quan kèm theo:**

<p>Giải trình và ý kiến đề xuất của người trình: Căn cứ Điều 6, Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.</p> <p>Căn cứ nội dung Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại VB số 592-KL/TU ngày 17/8/2022 về kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ thứ 24.</p> <p>Chuyên viên báo cáo và đề xuất: Ủy ban nhân dân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.</p> <p style="text-align: center;"><i>(Có dự thảo văn bản kèm theo)</i></p> <p style="text-align: center;">Trân trọng báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Đồng chí./.</p>	Người trình ký
<p>Ý kiến của lãnh đạo Văn phòng (Ngày / /2022)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	Lãnh đạo Văn phòng ký
<p>Ý kiến phê duyệt của Chủ tịch hoặc Phó CT UBND tỉnh: (Ngày / /2022)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Chủ tịch hoặc Phó CT UBND tỉnh ký duyệt:</p>	